TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2020
V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Vinh
2. Bà Đặng Thị Minh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Ba Vì *tham gia phiên toà:* Ông Đặng Văn Út - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khaivụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:596/2019/TLST-.HNGĐ ngày09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2020/QĐXX-ST ngày 09tháng 3năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 25/3/2020giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995
HKTT: Xóm 3, xã PP, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Nơi ở: Thôn QC, xã TC, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Nguyễn Trương Đ, sinh năm 1993

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tá Q, sinh năm 1969
Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1972
Cùng trú tại: Xóm 3, xã PP, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(Có mặt chị H; Vắng mặt anh Đ, bà H1 không có lý do; Vắng mặt ông Q có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn hợp pháp với anh Nguyễn Trương Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2014 tại UBND xã Phú Phương, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế, anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 2/2018 không có cách giải quyết nên chị H đã bỏ về mẹ đẻ tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ đó đến nay. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 02/5/2015 hiện đang sống cùng anh Đ và bố mẹ anh Đ tại xóm 3, xã PP, huyện Ba Vì, Hà Nội; Cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/01/2018 hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng tại xã TC, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi ly hôn, chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, giao anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ1 đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng cho nhau nuôi con.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Đều không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo thú lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Trương Đ đều không có mặt tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác minh quan hệ hôn nhân và sự vắng mặt của anh Đ, bố đẻ anh Đ là ông Nguyễn Tá Q cung cấp thông tin: anh Nguyễn Trương Đ là con trai ruột sống cùng nhà với vợ chồng ông Nguyễn Tá Q, bà Nguyễn Thị Minh H1. Anh Đ kết hôn hợp pháp với chị Nguyễn Thị H, sau kết hôn anh chị chung sống cùng vợ chồng ông bà, sau đó cùng dẫn nhau đi làm ăn rồi lại về ở nhà ông bà sinh con. Mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ như thế nào thì gia đình ông không nắm được do ông có hỏi nhưng chị H và anh Đ đều không nói. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống từ ngày 03 tết âm lịch năm 2019 đến nay. Trong thời gian đó anh Đ, chị H có liên lạc gì với nhau hay không thì gia đình ông không nắm được. Anh Nguyễn Trương Đ đi làm vắng nhà, thỉnh thoảng về ít ngày rồi lại đi, việc anh Đ làm gì, ở đâu gia đình không biết. Về con chung giữa chị H và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 02/5/2015 hiện đang sống ở nhà ông do ông trực tiếp chăm sóc hàng ngày; cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 12/01/2018 hiện sống cùng chị H. Tài sản chung, công sức, nợ chung giữa chị H, anh Đ không có gì. Việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi

kiện của chị H,phần hôn nhân là việc riêng của anh chị, ông không có ý kiến gì. Về con chung của anh chị hiện nay chị H đang nuôi cháu K, gia đình ông đang trực tiếp nuôi cháu Đ1. Ông Q có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Đ1 đến khi trưởng thành.

Anh Đ không tham gia tố tụng nhưng qua thông tin ông Q cung cấp, anh Đ có nói với ông là chị H muốn làm gì thì làm, muốn bỏ thì bỏ, muốn về thì về. Anh và gia đình tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ1 đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Ông Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, hiện anh Đ vắng mặt, ông nhận được các văn bản của Tòa án sẽ thông báo để anh Đ biết, còn việc anh Đ có đến tham gia tố tụng hay không thì ông không quyết định được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm. Anh Nguyễn Trương Đ, bà Nguyễn Thị Minh H1 và ông Nguyễn Tá Q vắng mặt tại phiên toà.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trương Đ. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K-sinh ngày 12/01/2018; Giao anh Nguyễn Trương Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ1 -sinh ngày 02/5/2015 chođến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H, anh Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nơ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.Án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Trương Đ - Trú tại: xóm 3, xã PP, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do vậy việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trương Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh Đ không trực tiếp tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án , không có mặt tại phiên hòa giải chứng tỏ anh Đ không coi trọng việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trương Đ.

[3] Về con chung: Chị H, anh Đ có hai con chung là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 02/5/2015 và cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 12/01/2018, hiện nay cháu Đ1 đang sống ở nhà ông Nguyễn Tá Q do ông Q trực tiếp chăm sóc hàng ngày; cháu K hiện sống cùng chị H.

Theo lời khai ông Q thì vợ ông là bà Nguyễn Thị Minh H1 và anh Đ đi làm xa nhà nhưng có gửi tiền về để ông chăm sóc cháu Đ1. Cháu sống ổn định, phát triển bình thường. Chị H làm công nhân, thu nhập chính từ lương làm công nhân chỉ đủ trang trải cuộc sống nuôi dưỡng cháu K. Xét hoàn cảnh anh Đ, chị H thấy rằng việc để hai cháu ổn định cuộc sống như hiện nay là tốt nhất. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Tá Q về việc giao cho ông trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 đến khi đủ 18 tuổi. Theo quy định của Luật HNGĐ thì nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung thuộc về cha mẹ là anh Đ, chị H. Anh Đ hiện nay sống cùng nhà với ông Q, anh Đ vẫn lao động có thu nhập và cuộc sống bình thường, không bị hạn chế gì về thể chất, tâm thần do vậy anh Đ phải có nghĩa vụ nuôi con. Ông Q tiếp tục giúp đỡ anh Đ trực tiếp chăm sóc cháu Đ1 là phù hợp thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội mà không trái pháp luật. Do vậy, HĐXX giao cho anh Nguyễn Trương Đ được nuôi cháu Nguyễn Hải Đ1 và giao cho chị Nguyễn Thị H được nuôi cháu Nguyễn Đăng K đến đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh Đ đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ: Chị Nguyễn Thị H trình bày đều không có, anh Nguyễn Trương Đ không thể hiện quan điểm về tài sản chung, công nợ chung, tài sản riêng. Do vậy, HĐXX chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Trương Đ về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Trương Đ

- Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 02/5/2015 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 12/01/2018. Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K; Giao anh Nguyễn Trương Đ trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ1 đến khi cháu K, cháu Đ1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H, anh Đ cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Chị H, anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ: Chưa xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 09/12/2019 theo biên lai số 0009750.

- Quyền kháng cáo: Án Hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trương Đ, ông Nguyễn Tá Q, bà Nguyễn Thị Minh H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã PP;
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã Ký)

Ngô Thị Thu Hường